

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ YÊN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/HS-ST
Ngày 10-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đinh Công Ó.
- Bà Lê Thị Bồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngoãn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Trương Xuân T (tên gọi khác: không), sinh ngày 23/9/1983 tại huyện BY, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản S, xã SP, huyện BY, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Đảng phái: Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (Đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 62-QĐ/UBKTHU ngày 11/10/2023 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy BY, tỉnh Sơn La); quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Xuân Đ, sinh năm 1957, con bà Hà Thị P, sinh năm 1959; bị cáo có vợ là Đặng Thị S, sinh năm 1982 và 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2023 đến ngày xét xử, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

- Bà Hà Thị A, sinh năm 1985.
- Bà Cà Thị B, sinh năm 1986.
- Bà Lò Thị B, sinh năm 1988.
- Bà Lò Thị C, sinh năm 1989.

5. Bà Lò Thị D, sinh năm 1987.

6. Anh Lò Văn E, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Đều ở bản NL, xã SX, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

7. Ông Hà Văn F, sinh năm 1966.

8. Anh Hà Văn G, sinh năm 1994.

9. Bà Lò Thị H, sinh năm 1985.

10. Anh Lò Văn I, sinh năm 1990.

11. Ông Lò Văn J, sinh năm 1982.

12. Ông Lò Văn K, sinh năm 1987.

13. Chị Hà Thị L, sinh năm 1990.

14. Bà Lò Thị M, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Đều ở bản X, xã SX, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

15. Anh Quảng Văn N, sinh năm 1991.

16. Anh Trương Văn O, sinh năm 1997.

17. Anh Hà Văn P, sinh năm 1997.

18. Bà Phan Thị B, sinh năm 1985.

19. Ông Trương Văn Q, sinh năm 1989.

20. Ông Phan Văn R, sinh năm 1966.

Nơi cư trú: Đều ở bản PL, xã SX, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Các bị hại đều vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lò Mạnh S, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Bản NL, xã SX, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

2. Ông Trường Xuân V, sinh năm 1957; Nơi cư trú: Bản S, xã SP, huyện BY, tỉnh Sơn La. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/8/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên nhận được đơn tố giác của anh Lò Mạnh S, sinh năm 1985, nơi cư trú: bản NL, xã SX, huyện Phù Yên với nội dung: Khoảng tháng 3 năm 2020, Trường Xuân T, sinh năm 1983, nơi cư trú: bản S, xã SP, huyện BY đưa thông tin gian dối có khả năng làm giấy phép lái xe mô tô hợp pháp với giá 1.800.000 đồng và đã chiếm đoạt tổng số tiền 36.000.000đ (*Ba mươi sáu triệu đồng*), của 20 người đều trú tại xã SX, huyện

Phù Yên. Sau khi nhận đơn tố giác của anh S, Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên đã điều tra, xác định làm rõ.

Bị cáo Trường Xuân T khai nhận: Vào khoảng đầu tháng 3/2020 Trường Xuân T đã tìm hiểu qua trang FaceBook và quen một người đàn ông tự giới thiệu là Nguyễn Bá Cường và dùng số điện thoại 0326.858.946 và 0326.585.946 gọi cho T nói làm được giấy phép lái xe nhanh với giá 1.150.000đ (*Một triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng*) một giấy phép. T nhận biết đây là trang FaceBook làm giấy phép lái xe mô tô hạng A1 giả, T đã nảy sinh ý định đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tiền. Sau đó T gặp Lò Mạnh S, sinh năm 1985 trú tại bản NL, xã SX, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. T đã đưa ra thông tin là mình có một người anh làm Phó giám đốc Sở giao thông tỉnh Sơn La, có thể làm được giấy phép lái xe mô tô và ô tô thật mà không phải thi. Chỉ cần bản phô tô chứng minh nhân dân, 02 (hai) ảnh 3x4 và tiền nộp là 1.800.000đ (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*) thì trong vòng một tuần sẽ có giấy phép lái xe, khi nhận được giấy phép lái xe mới trả tiền.

Tin tưởng lời của T, S đã rủ thêm một số người, làm giấy phép lái xe cùng với vợ của S là Hà Thị A, sinh năm 1985 và có thêm 19 người khác gồm: Cà Thị B, sinh năm 1986; Lò Thị B, sinh năm 1988; Lò Thị D, sinh năm 1987; Lò Thị C, sinh năm 1989; Lò Văn E, sinh năm 1992; Hà Văn G, sinh năm 1994; Lò Văn J, sinh năm 1982; Lò Văn I, sinh năm 1990; Lò Văn K, sinh năm 1987; Hà Thị L, sinh năm 1990; Lò Thị H, sinh năm 1985; Lò Thị M, sinh năm 1985; Hà Văn F, sinh năm 1966; Quảng Văn N, sinh năm 1991; Trương Văn O, sinh năm 1997; Trương Văn Q, sinh năm 1989; Hà Văn P, sinh năm 1997; Phan Thị B, sinh năm 1985; Phan Văn R, sinh năm 1966; đều cư trú tại xã SX, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La cùng nộp ảnh, bản phô tô chứng minh cho S để làm giấy phép lái xe mô tô hạng A1 rồi S chuyển lại cho T để T chuyển thông tin người làm giấy phép lái xe cho Cường. Sau đó T bảo S đi thu tiền của 20 người trên nhưng do chưa thu được nên S đã tự lấy tiền của cá nhân S tổng số tiền 36.000.000đ (*Ba mươi sáu triệu đồng*) đưa cho T trước. Lúc này Cường bảo đã làm xong giấy phép lái xe cho 20 người và gửi qua đường bưu điện về cho T nhận tại bưu điện huyện BY. Sau đó T ra bưu điện huyện BY nhận 20 giấy phép lái xe và chuyển số tiền 23.000.000đ (*Hai mươi ba triệu đồng*) lên cho Cường. T giữ lại 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*) để chi tiêu cá nhân.

Có được 20 giấy phép lái xe giả, T mang đến nhà S và phát giấy phép cho 20 người trên đồng thời thu mỗi người số tiền 1.800.000đ (*Một triệu, tám trăm nghìn đồng*). Sau khi phát hết giấy phép và thu tiền xong thì T trả lại số tiền mà S đã ứng ra trước là 36.000.000đ (*Ba mươi sáu triệu đồng*). T đưa thêm cho S số tiền 3.600.000đ (*Ba triệu, sáu trăm nghìn đồng*) để cảm ơn S đã ứng tiền ra trước. Sau đó những người trên hỏi hồ sơ gốc thì giấy phép lái xe nên S đã gọi điện thoại đòi T về hồ sơ gốc nhưng T không trả lời được, chỉ né tránh. Đến tháng 8/2023 S xem trên ti vi thấy có bài nói về tình trạng làm giấy phép lái xe giả và các đặc điểm nhận dạng, lúc này S mới xem lại giấy phép lái xe của vợ và nghi là giấy phép giả nên S đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên tố giác hành vi của Trường Xuân T.

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên đã thu giữ: 13 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 mang tên Hà Thị A, Lò Thị C, Hà Văn F, Lò Thị D, Cà Thị B, Lò Văn J, Lò Văn I, Trương Văn Q, Hà Thị L, Lò Văn K, Lò Thị H, Phan Thị B, Phan Văn R. Ngày 07/9/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh giám định 13 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 nêu trên.

Tại bản kết luận giám định số 2184/KL-KTHS ngày 13/9/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận: 07 Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 gửi giám định ký hiệu từ A1 đến A7 là giả. Tại bản kết luận giám định số 2492/KL-KTHS ngày 28/10/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận: 06 Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 gửi giám định ký hiệu từ A8 đến A13 là giả. Hoàn lại toàn bộ đối tượng gửi giám định. Đối với 07 (bảy) giấy phép còn lại của Hà Văn G, Quảng Văn N, Lò Văn E, Lò Thị M, Hà Văn P, Trương Văn O, Lò Thị B do người bị hại làm mất nên không thu giữ được.

Đối với 07 (Bảy) giấy phép còn lại của Hà Văn G, Quảng Văn N, Lò Văn E, Lò Thị M, Hà Văn P, Trương Văn O, Lò Thị B trong quá trình sử dụng do người bị hại đã làm mất, nên không thể thu giữ và tiến hành giám định được.

Đối với bản ảnh, chứng minh thư nhân dân bản sao photo mà các bị hại nộp cho Trường Xuân T, để làm hồ sơ đăng ký thi giấy phép lái xe, bị cáo đã gửi cho đối tượng tên Cường, quá trình điều tra không thu giữ lại được.

Quá trình điều tra: Trường Xuân T đã tác động gia đình, để ông Trường Xuân V (là bố của T) bồi thường lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại cho các bị hại và ông V đã trả lại tiền cho 18 bị hại với tổng số tiền 32.400.000đ (Ba mươi hai triệu, bốn trăm nghìn đồng). Ngày 22/11/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên đã trả lại cho 02 bị hại là Phan Thị B số tiền 1.800.000đ (Một triệu, tám trăm nghìn đồng) và Phan Văn R số tiền 1.800.000đ (Một triệu, tám trăm nghìn đồng). 20 bị hại đã nhận đủ số tiền bị chiếm đoạt và không yêu cầu T phải bồi thường thêm khoản nào khác. Các bị hại đều có đơn và yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trường Xuân V trình bày: Trong quá trình điều tra ông được bị cáo Trường Xuân T tác động bồi thường thay bị cáo cho các bị hại, ông đã tự nguyện bồi thường cho 18 bị hại với tổng số tiền 32.400.000đ (Ba mươi hai triệu, bốn trăm nghìn đồng). Ông không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho ông số tiền mà ông đã bỏ ra bồi thường.

Cáo trạng số: 86/CT-VKS ngày 30/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên quyết định truy tố bị cáo Trường Xuân T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trường Xuân T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và đề nghị áp dụng các căn cứ pháp luật xử phạt bị cáo như sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trường Xuân T từ 07 (Bảy) tháng đến 08 (Tám) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y15s kèm theo sim thu giữ của bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

Công nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện Phù Yên đã thu giữ số tiền 3.600.000đ (*Ba triệu, sáu trăm nghìn đồng*) và giao trả cho các bị hại chị Phan Thị B số tiền 1.800.000đ (*Một triệu, tám trăm nghìn đồng*) và anh Phan Văn R số tiền 1.800.000đ (*Một triệu, tám trăm nghìn đồng*) được quyền quản lý, sử dụng, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

Công nhận việc đại diện gia đình bị cáo là ông Trường Xuân V và 18 bị hại gồm: Hà Thị A, Cà Thị B, Lò Thị B, Lò Thị D, Lò Thị C, Lò Văn E, Hà Văn G, Lò Văn J, Lò Văn I, Lò Văn K, Hà Thị L, Lò Thị H, Lò Thị M, Hà Văn F, Quảng Văn N, Trương Văn O, Trương Văn Q, Hà Văn P đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường với nhau tổng số tiền 32.400.000đ (*Ba mươi hai triệu, bốn trăm nghìn đồng*), không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

Công nhận việc ông Trường Xuân V không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền bồi thường.

- Về án phí: Do bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai trong quá trình điều tra, không có ý kiến gì tranh luận với vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định

của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo và trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa, bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án. Bị cáo hoàn toàn nhất trí với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên. Bị cáo khẳng định việc khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn tự nguyện, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Xét lời khai của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên; bản tự khai; kết luận giám định; lời khai của các bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Trong năm 2020, Trường Xuân T đã đưa ra thông tin gian dối là có anh trai làm Phó Giám đốc Sở giao thông vận tải tỉnh Sơn La, có khả năng làm được giấy phép lái xe mô tô hạng A1 mà không phải thi, sau đó chiếm đoạt số tiền 36.000.000đ (*Ba mươi sáu triệu đồng*) của 20 bị hại. Hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự, quy định mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội, nhưng bị cáo nhận thức được việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, tuy nhiên vẫn cố ý chiếm đoạt tài sản với mục đích hưởng lợi, tiêu xài cá nhân. Tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của cá nhân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, do đó cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt tương xứng nhằm giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cũng cần xem xét bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã tác động với gia đình tích cực bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có bố đẻ là người có công với cách mạng, được Nhà nước thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang (hạng nhì, hạng ba) các năm 1991, 1984 vì đã có thành tích phục vụ trong Quân đội Nhân dân Việt Nam; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ Quốc tế. Năm 2019 được Ban liên lạc cựu chiến binh mặt trận 379 tặng Kỷ niệm chương vì đã có thời gian làm nhiệm vụ Quốc tế tại nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào giai đoạn (1979-1988). Hiện đang là bệnh binh và hưởng chế độ theo quy định của Nhà nước. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về tình tiết tăng nặng: không có.

[3] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay thấy rằng bị cáo không có tài sản riêng gì có giá trị; không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định; hiện đang sống tại vùng đặc biệt khó khăn, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Đối với việc đại diện gia đình bị cáo là ông Trường Xuân V đã bồi thường cho 18 bị hại với tổng số tiền 32.400.000đ (*Ba mươi hai triệu, bốn trăm nghìn đồng*) và không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền đã bỏ ra bồi thường thay bị cáo. Xét là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật, do đó cần ghi nhận.

Đối với việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên đã tiến hành thu giữ 3.600.000đ (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*), để giao trả cho bị hại chị Phan Thị B số tiền 1.800.000đ (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*) và anh Phan Văn R số tiền 1.800.000đ (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*), xét là tự nguyện đúng pháp luật do đó cần ghi nhận.

Đối với việc 20 bị hại đã nhận được toàn bộ số tiền mà bị cáo chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác, xét là tự nguyện đúng pháp luật do đó cần ghi nhận.

[5] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y15s kèm sim thu giữ của bị cáo. Quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa xác định đây là tài sản hợp pháp của bị cáo, bị cáo đã sử dụng điện thoại để liên lạc, gửi tin nhắn, thực hiện hành vi phạm tội, do đó cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[6] Đối với 13 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 mang tên Hà Thị A, Lò Thị C, Hà Văn F, Lò Thị D, Cà Thị B, Lò Văn J, Lò Văn I, Trương Văn Q, Hà Thị L, Lò Văn K, Lò Thị H, Phan Thị B, Phan Văn R được hoàn lại sau giám định. Xét là giấy tờ giả không có giá trị sử dụng và là tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo. Hiện được niêm phong và lưu hồ sơ vụ án. Do đó cần tiếp tục được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[7] Đối với hành vi cung cấp thông tin, là bản phô tô giấy Căn cước công dân và ảnh 20 bị hại của bị cáo Trường Xuân T cho đối tượng tên là Nguyễn Bá Cường để làm 20 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 giả theo như lời khai của bị cáo. Quá trình điều tra không bắt giữ được đối tượng Cường, không thu giữ lại được số tiền 23.000.000đ (*Hai mươi ba triệu đồng*) mà bị cáo đã chuyển cho đối tượng Cường qua Bưu điện huyện BY.

Đối với hành vi sử dụng 20 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 giả để chiếm đoạt 36.000.000đ (*Ba mươi sáu triệu đồng*) của 20 bị hại, quá trình điều tra và tại phiên tòa, xác định ngoài việc bị cáo sử dụng để tạo niềm tin, lừa đảo, chiếm đoạt tiền của 20 bị hại, thì bị cáo không còn sử dụng vào mục đích vi phạm pháp luật gì khác.

Đó đó không đủ căn cứ để xử lý bị cáo về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức theo quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự.

[8] Đối với người đàn ông tên là Nguyễn Bá Cường nhận làm giấy phép lái xe mô tô hạng A1 giả cho Trường Xuân T theo lời khai của T: Quá trình điều tra đã tiến hành xác minh tại Bưu điện huyện BY, tỉnh Sơn La nhưng không xác định được thông tin người gửi 20 giấy phép lái xe và người nhận số tiền 23.000.000đ (*Hai mươi ba triệu đồng*) từ T. Tiến hành xác minh tại Ngân hàng Agibank Chi nhánh thành phố Sơn La nhưng không có tài khoản nào mang tên Nguyễn Bá Cường, vì vậy không có căn cứ để điều tra làm rõ hành vi của Nguyễn Bá Cường.

[9] Đối với hành vi của Lò Mạnh S, nhận bản photo và ảnh của 20 người bị hại, để chuyển cho Trường Xuân T làm giấy phép lái xe mô tô giả và được T trả 3.600.000đ (*Ba triệu, sáu trăm nghìn đồng*) để cảm ơn. Quá trình điều tra, xác minh làm rõ S hoàn toàn không được bàn bạc, thống nhất và không biết T làm giấy phép lái xe giả. Do tin tưởng việc T đưa thông tin có người quen làm Phó giám đốc Sở giao thông vận tải tỉnh Sơn La, có khả năng làm giấy phép lái xe thật, nên S đã ứng trước số tiền 36.000.000đ (*Ba mươi sáu triệu đồng*) cho T làm giấy phép lái xe cho 20 người cùng xã, trong đó có cả vợ của S. Ngày 22/11/2023, Lò Mạnh S đã giao nộp số tiền 3.600.000đ (*Ba triệu, sáu trăm nghìn đồng*) cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên. Do đó hành vi của S là ngay tình, S không biết việc nhận bản ảnh và thông tin của 20 người trên chuyển cho T là dùng vào việc làm giấy phép lái xe giả, không được bàn bạc, thỏa thuận, thống nhất gì với T về việc làm bằng giả. Nên Lò Mạnh S không là đồng phạm trong vụ án này.

[10] Đối với Hà Thị A, Lò Thị C, Hà Văn F, Lò Thị D, Cà Thị B, Lò Văn J, Lò Văn I, Trương Văn Q, Hà Thị L, Lò Văn K, Lò Thị H, Phan Thị B, Phan Văn R, Hà Văn G, Quàng Văn N, Lò Văn E, Lò Thị M, Hà Văn P, Trương Văn O, Lò Thị B, do tin tưởng việc làm giấy phép lái xe Hạng A1 của bị cáo T là giấy phép thật, nên đã nộp bản photo chứng minh thư nhân dân, ảnh 3x4. Khi nhận được giấy phép 20 bị hại hoàn toàn không biết đó là giấy phép lái xe giả, do đó không đủ yếu tố cấu thành tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức theo quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự.

[11] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, bị cáo được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trường Xuân T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo 07 (Bảy) tháng 15 (Mười lăm) ngày tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 05/10/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

- Ghi nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện Phù Yên đã thu giữ số tiền 3.600.000đ (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*) và giao trả cho các bị hại chị Phan Thị B số tiền 1.800.000đ (*Một triệu, tám trăm nghìn đồng*) và anh Phan Văn R số tiền 1.800.000đ (*Một triệu, tám trăm nghìn đồng*) là chủ sở hữu hợp pháp, được quyền quản lý, sử dụng, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

- Ghi nhận việc đại diện gia đình bị cáo là ông Trường Xuân V và 18 bị hại gồm: Hà Thị A, Cà Thị B, Lò Thị B, Lò Thị D, Lò Thị C, Lò Văn E, Hà Văn G, Lò Văn J, Lò Văn I, Lò Văn K, Hà Thị L, Lò Thị H, Lò Thị M, Hà Văn F, Quảng Văn N, Trương Văn O, Trương Văn Q, Hà Văn P đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường với nhau tổng số tiền 32.400.000đ (*Ba mươi hai triệu, bốn trăm nghìn đồng*), không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

- Ghi nhận việc ông Trường Xuân V không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền bồi thường.

3. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y15s kèm theo 01 sim mang mã số 8984048000009977681 thu giữ của bị cáo, được đựng trong phong bì niêm phong kín.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập hồi 14 giờ 00 phút, ngày 06/12/2023 giữa Công an huyện Phù Yên với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Trường Xuân T.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 10/4/2024).

Các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên;
- Công an huyện Phù Yên;
- CQ hồ sơ nghiệp vụ - Công an huyện Phù Yên;
- Chi cục THADS huyện Phù Yên;
- Trại giam;
- THAHS;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLVNQLQ (nếu có);
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Đức